

Bản án số: 241 /2022/ DS-ST
Ngày: 30 - 11 -2022
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và
góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH***
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **QUÁCH TRUNG SƠN**
2. Ông **ĐỖ DUY HÙNG**

*- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.*
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang Tm gia phiên tòa:

Không có Tm gia.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 535/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1988.
Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Mai Thị Hồng A**, sinh năm 1984
Anh **Lê Văn T1**, sinh năm 1983.
Cùng địa chỉ: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Các đương sự mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Lê Thị T tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày:

Chị với vợ chồng chị A là chỗ quen biết, do tin tưởng nên đã cho chị A, anh T1 vay nhiều lần tiền như sau:

+ Ngày 25/11/2019 âm lịch vay 100.000.000đồng.

+ Ngày 30/12/2020 âm lịch vay 100.000.000đồng.
+ Ngày 10/02/2021 âm lịch vay 70.000.000đồng nhưng đã trả được 30.000.000đồng.

Lãi suất 2.500.000đồng/100.000.000đồng/ tháng, vay không có thời hạn, khi nào cần sẽ thông báo trước.

Ngoài ra chị còn Tm gia chơi hụi do chị A làm đầu thảo, đến ngày 01/02/2022 thì ngưng hụi, qua tính hụi thì chị A còn nợ chị 161.345.000đồng tiền hụi(chỉ tính vốn).

Chị yêu cầu chị A, anh T1 trả chị 240.000.000đồng tiền vay và 161.345.000đồng tiền hụi. Tổng cộng là 401.345.000đồng.

- Bị đơn chị Mai Thị Hồng A tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày: Chị thừa nhận lời trình bày của chị T là đúng. Hiện tại chị còn nợ chị T tiền mượn và tiền hụi tổng cộng là 401.345.000đồng. Chị đồng ý trả số tiền trên cho chị T nhưng xin trả dần 02 tháng trả 10.000.000đồng cho đến khi xong nợ.

- Bị đơn anh Lê Văn T1 tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày: Anh là chồng của chị Mai Thị Hồng A, anh đồng ý cùng chị A trả cho chị T 401.345.000đồng nhưng xin trả dần 02 tháng trả 10.000.000đồng cho đến khi xong nợ.

Tại phiên tòa, chị A và anh T1 đồng ý trả chị T 401.345.000đồng nhưng đợi khi nào Cơ quan thi hành án thi hành các bản án của chị A kiện thì mới có tiền trả chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay và nợ hụi. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị A, anh T1 thừa nhận có vay tiền của chị T và chị T có Tm gia chơi hụi do chị A tổ chức. Hiện vợ chồng chị A, anh T1 còn nợ chị T 401.345.000 đồng như chị T khởi kiện. Lời thừa nhận của chị A, anh T1 là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị A, anh T1 đồng ý trả 401.345.000đồng cho chị T nhưng xin chờ kết quả thi hành án các bản án mà chị A khởi kiện trước đó. Xét thấy, về số tiền vay chị T cho vợ chồng chị A vay đã lâu, đã đòi nhiều lần nhưng anh chị vẫn chưa trả đủ. Đối với số tiền hụi còn nợ, chị T cũng đã cho anh chị trả vốn nhưng từ ngày ngưng hụi đến nay anh chị vẫn không thực hiện đã gây thiệt hại đến quyền lợi của chị T.

Nay anh chị xin chờ kết quả giải quyết thi hành án cho anh chị mới trả tiền không được chị T chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Các bên cũng có quyền thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử buộc chị A, anh T1 phải trả chị T 401.345.000đồng tiền vay và tiền hụi là có cơ sở.

[3]. Án phí: Chị A, anh T1 phải chịu án phí theo qui định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 do yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận. Anh chị có đơn xin miễn giảm tiền án phí có xác nhận của chính quyền địa phương hoàn cA khó khăn nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm ½ án phí phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 468, 466, 469, 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

Buộc chị Mai Thị Hồng A và anh Lê Văn T1 phải trả cho chị Lê Thị T 240.000.000đồng tiền vay và 161.345.000 đồng tiền hụi. Tổng cộng là 401.345.000đồng.

3. Về án phí:

3.1. Chị Mai Thị Hồng A và anh Lê Văn T1 phải chịu 10.027.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn lại chị Lê Thị T 10.027.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010457 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị A, anh T1 chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm Tnh toán.

4.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục TDS huyện C;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

